

THÔNG BÁO

Về việc công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá Tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-PCCT ngày 21/7/2025 của Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ về việc thanh lý tài sản cố định, VTTB và chất thải nguy hại 2025;

Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

1.1. Tên đơn vị: Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ.

1.2. Địa chỉ: 06, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

1.3. Địa chỉ nhận hồ sơ: Số 113, Lê Hồng Phong, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng tài sản đấu giá

2.1. Tên tài sản: Lô tài sản cố định, VTTB và chất thải nguy hại năm 2025.

2.2. Số lượng, chất lượng tài sản đấu giá: **Theo phụ lục danh mục lô hàng hoá thanh lý đính kèm.**

a) Số lượng: 01 lô.

b) Đặc điểm: Lô hàng hoá đề nghị thanh lý bao gồm: Máy biến áp, thiết bị điện, công cụ dụng cụ, xe cộ, Vật tư thiết bị điện, Công tơ điện, thiết bị điện tử,....

3. Giá khởi điểm tài sản đấu giá: **5.805.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm lẻ năm triệu đồng (chưa bao gồm thuế VAT và phí, lệ phí).

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm:

4.1. Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

TT	Nội dung	Mức tối đa
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	10,0
1.1	<i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>	5,0
1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>	5,0
2.	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	5,0
2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i> <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2,0
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết	3,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
	quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>	
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>	
5.	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</i>	4,0

TT	Nội dung	Mức tối đa
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	1,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty điện lực miền Nam và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại miền Nam	2,0
4.	Có Hợp đồng đấu giá thành công cho các đơn vị thuộc tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) có giá trị tài sản thanh lý (giá khởi điểm) lớn nhất trong năm trước liền kề	3,0
Tổng số điểm		100

Ghi chú:

1. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản.

2. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

3. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

4. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

4.2. Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (Điều 35):

1. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp 01 bộ hồ sơ tham gia lựa chọn bằng bản giấy hoặc bản sao điện tử theo thông báo của người có tài sản đấu giá.

Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hồ sơ cuộc đấu giá.

2. Người có tài sản đấu giá tự đánh giá hoặc thành lập tổ đánh giá hoặc lựa chọn hình thức khác để đánh giá các tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về việc đánh giá này.

3. Người có tài sản đấu giá căn cứ thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chấm điểm theo tất cả các tiêu chí quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và xử lý các tình huống theo quy định tại các khoản 5, 6, 7 và 8 Điều này.

Trường hợp có kết quả xác minh khẳng định tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản không đánh giá, chấm điểm đối với tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

Trường hợp có văn bản của cơ quan có thẩm quyền công bố tổ chức hành nghề đấu giá tài sản giả mạo hồ sơ hoặc cố ý cung cấp thông tin làm sai lệch hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn từ chối kết quả lựa chọn thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số điểm cao nhất liền kề để tổ chức cuộc đấu giá hoặc lựa chọn lại tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định tại Chương này.

5. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có người đại diện theo pháp luật hoặc đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản do thực hiện hành vi nhân danh, vì lợi ích hoặc có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

6. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thuộc một trong các trường hợp sau thì thực hiện như sau:

a) Có đấu giá viên của tổ chức mình bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc các trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì cứ mỗi đấu giá viên bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm;

b) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản thuộc các trường hợp quy định tại

các điểm b, d, đ, h, i, k khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ hành vi bị xử phạt quy định tại điểm c khoản này thì cứ mỗi hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 5% tổng số điểm.

c) Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia theo công bố của cơ quan có thẩm quyền thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm, trừ trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này;

d) Có đấu giá viên của tổ chức mình bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản mà không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 20% tổng số điểm.

7. Trường hợp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ mà tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thuộc trường hợp đã bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này hoặc đã bị hủy bỏ kết quả lựa chọn quy định tại khoản 2 Điều 36 của Thông tư này thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đó bị trừ 50% tổng số điểm.

8. Trường hợp đến hết ngày nộp hồ sơ tham gia lựa chọn mà chỉ có một tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đăng ký thì người có tài sản xem xét, quyết định lựa chọn tổ chức đó nếu đáp ứng quy định của Luật Đấu giá tài sản, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Lưu ý: Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản gửi kèm bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh và bảng tự chấm điểm trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Đối với Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá: Tổ chức hành nghề đấu giá phải có hình ảnh chứng minh địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và tổ chức phiên đấu giá để đảm bảo công tác giám sát quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá theo quy định

5. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá:

5.1. Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến 16 giờ 00 phút **ngày 28 tháng 8 năm 2025.**

5.2. Địa điểm nhận hồ sơ: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ - Cơ sở 3 (Công ty Điện lực Sóc Trăng trước đây). Địa chỉ: 113 Lê Hồng Phong, phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam. Số điện thoại: 02993686911; E-mail: soctrangpc@evnspc.vn.

5.3. Hồ sơ được dán phong bì kín nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. Ngoài phong bì ghi rõ “Hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ – Cơ sở 3”

Trường hợp gửi qua đường bưu điện: Hồ sơ được tính theo dấu bưu điện trước 16 giờ 00 phút của ngày kết thúc nhận hồ sơ.

Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ sẽ có văn bản liên hệ tới tổ chức hành nghề đấu giá được lựa chọn, những đơn vị không nhận được thông báo được hiểu là không được lựa chọn. Hồ sơ tham dự lựa chọn cung cấp dịch vụ đấu giá không được hoàn lại.

Công ty Điện lực Thành phố Cần Thơ trân trọng thông báo đề các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử PCCT;
- Cổng thông tin <http://dgts.moj.gov.vn>;
- Ông Giám đốc (kính báo);
- VP, P.TCKT, KTTTPC, KHVT Cơ sở 3 (phối hợp);
- P.VTCNTT, KHVT Cơ sở 1 (phối hợp đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, KHVT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Tư

PHỤ LỤC 1
CHI TIẾT DANH MỤC CCDC, MBA, TSCĐ, VTTB THANH LÝ 2025

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
	I. Công cụ dụng cụ, Máy biến áp:				
1	MBA 10kVA S001297129	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
2	MBA 15kVA 010205342	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
3	MBA 15kVA S011097829	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
4	MBA 15kVA S011097799	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
5	MBA 15kVA 30201176-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
6	MBA 15kVA 91001446	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
7	MBA 15kVA 1F1760414	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
8	MBA 15kVA 5042115073668	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
9	MBA 15kVA S011097183	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
10	MBA 15kVA 67C7219	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
11	MBA 15kVA S010596195	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
12	MBA 15kVA S010998540	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
13	MBA 15kVA 111151463	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
14	MBA 15kVA 111151455	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
15	MBA 15kVA 10201119-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
16	MBA 15kVA 30201175-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
17	MBA 15kVA 111151207	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
18	MBA 15kVA 409321-2	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
19	MBA 15kVA S010998538	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
20	MBA 15kVA 30201142-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
21	MBA 25kVA 4022125020275	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
22	MBA 25kVA 11221791-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
23	MBA 25kVA 02050020	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
24	MBA 25kVA 20121026-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
25	MBA 25kVA 20121518-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
26	MBA 25kVA 021104405	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
27	MBA 25kVA 20121541-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
28	MBA 25kVA 021202357	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
29	MBA 25kVA 20121580-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
30	MBA 25kVA 90221237-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
31	MBA 25kVA 00521052-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
32	MBA 25kVA 91021410-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
33	MBA 25kVA 80921780-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
34	MBA 25kVA 91021325-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
35	MBA 25kVA 91121610-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
36	MBA 25kVA 11221769-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
37	MBA 25kVA 11221756-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
38	MBA 25kVA 020903375	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
39	MBA 25kVA 20121527-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
40	MBA 25kVA 00721763-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
41	MBA 25kVA 020608159	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
42	MBA 25kVA 11221834-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
43	MBA 25kVA 20121481-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
44	MBA 25kVA 20121503-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
45	MBA 25kVA 20121211-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
46	MBA 25kVA 11221800-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
47	MBA 25kVA 20121239-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
48	MBA 25kVA 4092125150365	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
49	MBA 25kVA S021297659	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
50	MBA 25kVA 90921152-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
51	MBA 25kVA S021296469	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
52	MBA 25kVA 021202531	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
53	MBA 25kVA 10521947-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
54	MBA 25kVA S021197740	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
55	MBA 25kVA 00721730-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
56	MBA 25kVA 11221786-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
57	MBA 25kVA 11221677-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
58	MBA 25kVA 20121270-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
59	MBA 25kVA 1F0530118	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
60	MBA 25kVA 20121039-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
61	MBA 25kVA 30921173-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
62	MBA 25kVA 021104381	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
63	MBA 25kVA 20121667-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
64	MBA 25kVA 00921145-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
65	MBA 25kVA 20121355-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
66	MBA 25kVA 121250374	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
67	MBA 25kVA 021202271	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
68	MBA 25kVA 02010036	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
69	MBA 25kVA 20121253-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
70	MBA 25kVA 11221829-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
71	MBA 25kVA 20121235-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
72	MBA 25kVA 20121129-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
73	MBA 25kVA 80121083-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
74	MBA 25kVA 1F0090118	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
75	MBA 25kVA 20121204-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
76	MBA 25kVA 11221533-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
77	MBA 25kVA 11221343-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
78	MBA 25kVA 20121035-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
79	MBA 25kVA 11221764-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
80	MBA 25kVA 20121113	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
81	MBA 25kVA 30721503	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
82	MBA 25kVA 30721499	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
83	MBA 25kVA 20121242	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
84	MBA 25kVA 021202527	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
85	MBA 25kVA 91121719-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
86	MBA 25kVA 20121114-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
87	MBA 25kVA 11221554-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
88	MBA 37.5kVA 8012137025084	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
89	MBA 37.5kVA 91031552-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
90	MBA 15kVA 01020552	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
91	MBA 15kVA 5042115073652	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
92	MBA 37.5kVA 030900192	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
93	MBA 50kVA 91251240-22	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
94	MBA 160kVA 91216203-2	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
95	MBA 50kVA 4022150022360	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
96	LBS - 24kV-PLS/10/0255	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
97	LBS - 24kV-PLS/16/0140	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
98	LBS - 24kV-63023	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
99	LBS - 24kV-PLS/16/0125 + Tủ điều khiển	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
100	LBS - 24kV-15207	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
101	Recloser 24KV 2015-0209-0023	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
102	Recloser 24KV 2015-0203-0025	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
103	Recloser 24KV 215630	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
104	Recloser 24KV 2013-0910-0087	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
105	Recloser 24KV SGS-6A-0464	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
106	Recloser 24KV PLS/14/0091 (mất mạc)	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
107	Recloser 24KV PLS/16/0332	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
108	LBS 24kV-630A (mất mạc)	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
109	LBS 24kV-630A (mất mạc) (2013- 1115-0032)	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
110	LBS 24kV-630A (mất mạc)	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
111	Recloser 24KV KPS-LV 140220 (mất mạc)	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
112	LBS-24kV-PLS/16/0308+Tủ điều khiển	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
113	Recloser 24KV Mác mờ (PLS/16/0333)	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
II . Tài sản cố định					
1	MBT 37,5KVA 8600-12700/220- 440V - CONG TY 4022137021056	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
2	MBT 37,5KVA -12700/220-440V- CONG TY 4112137212248	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
3	MBT 50KVA 8,6-12,7/0,2-0,4KV- CONG TY 041108264	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
4	MBT 50KVA-12700/220-440V- CONG TY 504185	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
5	MBT 160KVA 22/0.4 - CONG TY 090396185	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
6	RECLOSER 27KV - CONG TY CP5810907	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
7	RECLOSER 27KV - CONG TY CP5801137	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
8	LBS 24KV 630A - CONG TY PLS//11/0037	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
9	LBS 24KV 630A - CONG TY PLS/12/0434	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
10	RECLOSER 24KV- CONG TY PR212110-255	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
11	RECLOSER 24KV - BA HANH_ KHO CONG TY 201309100081	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
12	RECLOSER 24KV - CONG TY 201309100089	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
13	LBS 24KV 630A - CONG TY PLS/14/0094	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
14	LBS 24KV 630A - CONG TY PLS/16/0199	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
15	LBS 24KV 630A - MY XUYEN PLS/16/0096	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
16	LBS 24KV 630A - HOA LY - MX PLS/16/0116	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
17	RECLOSER 27KV- KHO CONG TY CP5801192	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
18	RECLOSER 24KV - KHO CONG TY CP5801196	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
19	RECLOSER 24KV- KHO CONG TY 409559	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
20	RECLOSER 24KV - T1 - KHO CONG TY CP5809930	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
21	RECLOSER 24KV- KHO CONG TY CP5810987	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
22	MBT 50KVA-12700/220-440V- KHO CONG TY 10951430	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
23	MBT 50KVA-12700/220-440V- KHO CONG TY 4112150217365	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
24	MBT 250KVA-15/0.4VB - DAU GIONG 9A - TRAN DE 91123180- 2	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
25	MBT 160KVA 22/0,4KV- KHO CONG TY 152160443	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
26	XE OTO TAI ISUZU NKR MAU TRANG CLD 3T SK:37100466 SM:106832 SO 83C 042.91	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
27	Xe Toyota Hiace 16 chỗ ngồi - XNDV 53S-4248	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
28	XE OTO TAI 8 TAN - VAN PHONG - SK: FGIJPU10284- SM:J08-F24220- 83C 046.46	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
29	MAY PHOTOCOPY RICOH	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
	CONG TY				
30	CONG TO MAU CAM TAY 1PHA - SM 1350100216- DLTPST	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
31	CONG TO MAU CAM TAY 3 PHA- TPST 1367031412	Cái	1	Đấu giá	Hư hỏng
III. VTTB thanh lý					
1	Sắt phế liệu các loại	Kg	47.236,9	Đấu giá	/
2	Nhựa composite	Kg	57,5	Đấu giá	/
3	Sắt phế liệu	Kg	5,5	Đấu giá	/
4	Đồng phế liệu các loại	Kg	1,8	Đấu giá	/
5	Đồng phế liệu các loại	Kg	0,2	Đấu giá	/
6	Nhôm phế liệu các loại	Kg	1.071,4	Đấu giá	/
7	Dây chì các loại	Sợi	2.114,0	Đấu giá	/
8	Trụ bê tông vuông 7,5m	Trụ	156,0	Đấu giá	/
9	TRỤ BÊ TÔNG VUÔNG 6,5 MÉT	Trụ	396,0	Đấu giá	/
10	Trụ bê tông vuông 8,5m	Trụ	1,0	Đấu giá	/
11	Trụ BTLT 5 mét	Cây	3,0	Đấu giá	/
12	Trụ BTLT DUL 6,5m-230kgf	Trụ	14,0	Đấu giá	/
13	Trụ BTLT DUL 6,5m-230kgf	Trụ	25,0	Đấu giá	/
14	Trụ BTLT 6,5M 150kgf	Cái	51,0	Đấu giá	/
15	Trụ BTLT 7,5m	Trụ	324,0	Đấu giá	/
16	Trụ BTLT dự ứng lực 7,5m - 300kgf	Trụ	29,0	Đấu giá	/
17	Trụ BTLT 8,5m	Trụ	11,0	Đấu giá	/
18	Trụ BTLT 10,5m	Trụ	187,0	Đấu giá	/
19	Trụ BTLT dự ứng lực 12m 720kgf	Trụ	1,0	Đấu giá	/
20	Trụ BTLT 12m	Trụ	86,0	Đấu giá	/
21	Trụ BTLT DUL 12m	Trụ	72,0	Đấu giá	/
22	TRỤ BTLT DUL 14M - 1100kgf	Trụ	3,0	Đấu giá	/
23	Trụ BTLT 14m	Trụ	2,0	Đấu giá	/
24	Trụ BTLT CẮT GÓC 3-4 MÉT	Trụ	5,0	Đấu giá	/
25	Trụ BTLT CẮT GÓC 3-4 MÉT	Trụ	32,0	Đấu giá	/
26	Trụ BTLT cắt góc 4 - 5 m	Trụ	267,0	Đấu giá	/
27	Trụ BTLT CẮT GÓC 5-6 MÉT	Trụ	178,0	Đấu giá	/
28	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	86,0	Đấu giá	/
29	Trụ BTLT CẮT GÓC 6-7 MÉT	Trụ	33,0	Đấu giá	/
30	Trụ BTLT CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	123,0	Đấu giá	/
31	Trụ BTLT CẮT GÓC 7-8 MÉT	Trụ	12,0	Đấu giá	/
32	Trụ BTLT CẮT GÓC 8-9 MÉT	Trụ	148,0	Đấu giá	/
33	Trụ BTLT CẮT GÓC 9-10 MÉT	Trụ	61,0	Đấu giá	/
34	Trụ BTLT CẮT GÓC 10-11 MÉT	Trụ	39,0	Đấu giá	/
35	Trụ BTLT CẮT GÓC 11-12 MÉT	Trụ	7,0	Đấu giá	/
36	Trụ bê tông trung thể các loại	Cái	1,0	Đấu giá	/
37	Trụ bê tông hạ thể các loại	Cái	26,0	Đấu giá	/

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
38	Trụ bê tông hạ thế các loại	Cái	63,0	Đấu giá	/
39	Trụ BT VUÔNG CẮT GỐC 3-4m	Trụ	175,0	Đấu giá	/
40	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 4-5 MÉT	Trụ	142,0	Đấu giá	/
41	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	5,0	Đấu giá	/
42	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 5-6 MÉT	Trụ	2,0	Đấu giá	/
43	TRỤ BT VUÔNG CẮT GỐC 6-7 MÉT	Trụ	15,0	Đấu giá	/
44	Đà cản 1,2m	Cái	1.344,0	Đấu giá	/
45	Đà cản 1,2m	Cái	5,0	Đấu giá	/
46	đà cản 1,2 nhiễm mặn	Cái	52,0	Đấu giá	/
47	Đà cản 1.5m	Cái	138,0	Đấu giá	/
48	Đà cản các loại	Cái	40,0	Đấu giá	/
49	Potelet composite 2m	Cây	1,0	Đấu giá	/
50	Thanh chống đà composite 40x10 - 0,92m	Cái	46,0	Đấu giá	/
51	Thanh chống composite 60x10-920 MM	Cây	106,0	Đấu giá	/
52	Thanh chống composite dẹp 60x10 - 0,810m	Cái	96,0	Đấu giá	/
53	Đà composite 75x75x6x2400MM	Cái	67,0	Đấu giá	/
54	Đà Composite 6x75x75x2800MM	Cây	3,0	Đấu giá	/
55	Đà composite 75x75x6 - 0,8m	Cây	48,0	Đấu giá	/
56	Đà Composit các loại	Cái	328,0	Đấu giá	/
57	Đà composite 75x75x6 - 1000mm	Cây	4,0	Đấu giá	/
58	THANH CHỐNG COMPOSITE 720 MM	Cây	4,0	Đấu giá	/
59	Thanh chống composite các loại	Cái	316,0	Đấu giá	/
60	Sứ chằng hạ áp	Cái	214,0	Đấu giá	/
61	Sứ ống chỉ	Cái	3.878,0	Đấu giá	/
62	Sứ cách điện các loại	Cái	601,0	Đấu giá	/
63	Sứ đứng 35 kV	Cái	86,0	Đấu giá	/
64	SỨ ĐỨNG 15KV	Cái	5,0	Đấu giá	/
65	Sứ đứng 24kV	Cái	2.042,0	Đấu giá	/
66	BÁT SỨ TREO THỦY TINH	Cái	243,0	Đấu giá	/
67	Chuỗi treo Polymer 24KV 70KN	Cái	297,0	Đấu giá	/
68	Sứ treo thủy tinh 70KN	Cái	1,0	Đấu giá	/
69	Sứ treo thủy tinh các loại	Bộ	73,0	Đấu giá	/
70	Chuỗi cách điện đỡ đơn dây dẫn ACSR 185/29	Chuỗi	15,0	Đấu giá	/
71	Chuỗi cách điện thủy tinh néo kép dây ACSR 185/29mm ²	Chuỗi	22,0	Đấu giá	/
72	Chuỗi cách điện polymer néo kép dây dẫn ACSR 400/51	Chuỗi	11,0	Đấu giá	/

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
73	Cách điện đứng polymer 24KV	Bộ	6,0	Đầu giá	/
74	Chuỗi sứ polymer các loại	Cái	51,0	Đầu giá	/
75	Chuỗi sứ cách điện Polymer néo đơn 110kV-120kN + Phụ kiện	Bộ	9,0	Đầu giá	/
76	Giáp núu cho dây ACX 185mm2	Cái	52,0	Đầu giá	/
77	Chân sứ đỉnh	Cái	110,0	Đầu giá	/
78	Chân sứ đỉnh thẳng 24kV	Cái	321,0	Đầu giá	/
79	Chân sứ đỉnh cong 24 Kv	Cái	18,0	Đầu giá	/
80	Hotline 2/0	Cái	18,0	Đầu giá	/
81	Kẹp IPC 95/35mm2	Cái	8,0	Đầu giá	/
82	Kẹp quai 2/0	Cái	14,0	Đầu giá	/
83	Kẹp hotline	Cái	40,0	Đầu giá	/
84	Giáp buộc cáp các loại	Cái	47,0	Đầu giá	/
85	Giáp núu dừng dây ACXH 185mm2	Bộ	2,0	Đầu giá	/
86	Sứ cong hình chữ C	Cái	65,0	Đầu giá	/
87	Hộp phân phối điện composite 9 cực	Cái	3,0	Đầu giá	/
88	Cầu chì các loại	Cái	6,0	Đầu giá	/
89	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	299,0	Đầu giá	/
90	Cầu chì tự rơi (FCO) các loại	Cái	205,0	Đầu giá	/
91	FCO (KHÔNG CÓ CÂN) PHỄ LIỆU	Cái	62,0	Đầu giá	/
92	Cầu chì tự rơi (LBFCO) các loại	Cái	136,0	Đầu giá	/
93	LBFCO (Không có cân)	Cái	24,0	Đầu giá	/
94	Cần FCO các loại	Cái	103,0	Đầu giá	/
95	Cần LBFCO các loại	Cái	87,0	Đầu giá	/
96	CÀU DAO HẠ THỂ	Cái	13,0	Đầu giá	/
97	Dao cách ly (DS) 1P 24KV 600A	Bộ	10,0	Đầu giá	/
98	DS các loại	Cái	13,0	Đầu giá	/
99	DS 1P 27KV 630A	Cái	4,0	Đầu giá	/
100	LTD các loại	Cái	11,0	Đầu giá	/
101	LTD 1P 24KV 600A	Bộ	4,0	Đầu giá	/
102	Chống sét van (LA) 18kV class 1	Cái	611,0	Đầu giá	/
103	Chống sét van (LA) các loại	Cái	70,0	Đầu giá	/
104	MCB các loại PL	Cái	2.054,0	Đầu giá	/
105	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) các loại	Cái	491,0	Đầu giá	/
106	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 3 cực các loại	Cái	142,0	Đầu giá	/
107	Máy cắt hạ thế kiểu vỏ đúc (MCCB) 2 cực các loại	Cái	8,0	Đầu giá	/
108	Thùng COMPOSIT các loại	Cái	1.307,0	Đầu giá	/
109	Thùng composite điện kế 3p	Cái	19,0	Đầu giá	/
110	Hộp 1 công tơ 3 pha composite ngoài trời	Cái	1,0	Đầu giá	/

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
111	Hộp 2 công tơ 1 pha composite ngoài trời	Cái	19,0	Đấu giá	/
112	Thùng Composite đựng CB 760x500x340	Cái	39,0	Đấu giá	/
113	Thùng Composite đựng điện kế + CB 760x500x340	Cái	42,0	Đấu giá	/
114	Tụ bù trung thế các loại	Kg	89,4	Đấu giá	/
115	Tụ bù hạ thế phế liệu	Kg	105,8	Đấu giá	/
116	Đèn led các loại	Cái	669,0	Đấu giá	/
117	Bộ tập trung (DCU)	Cái	4,0	Đấu giá	/
118	Dao cắt tụ 1P 15/27kV 200A (Capacitor Switch 200A)	Bộ	9,0	Đấu giá	/
119	Tole	Kg	774,5	Đấu giá	/
120	Giáp núu cáp các loại	Cái	83,0	Đấu giá	/
121	Nắp chụp (cực trên, dưới, MBA, LA) phế liệu	Cái	420,0	Đấu giá	/
122	Hộp nhựa phế liệu các loại	Cái	7,0	Đấu giá	/
123	Hộp nhựa + nắp	Bộ	6,0	Đấu giá	/
124	Ống nhựa PVC các loại - Thu hồi	Kg	37,7	Đấu giá	/
125	Ống nhựa xoắn HPDE ĐK85/65	Mét	6,0	Đấu giá	/
126	Ống nhựa xoắn HDPE các loại	Kg	315,7	Đấu giá	/
127	Ống bọc cách điện HDPE các loại	Cái	167,0	Đấu giá	/
128	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đôi góc	Cái	11,0	Đấu giá	/
129	Nắp chụp sứ đứng 24Kv loại đôi thẳng	Bộ	126,0	Đấu giá	/
130	Nắp che đầu sứ đứng (loại dài 1m)	Cái	45,0	Đấu giá	/
131	Nắp chụp đầu sứ đứng (loại không chống cháy)	Cái	452,0	Đấu giá	/
132	Nắp chụp cho kẹp ghim dây bọc trung thế	Cái	58,0	Đấu giá	/
133	Máy hút bụi	Cái	1,0	Đấu giá	/
134	Ghế xoay	Cái	1,0	Đấu giá	/
135	Ghế xoay	Cái	3,0	Đấu giá	/
136	Quạt đứng	Cây	1,0	Đấu giá	/
137	Bục phát biểu	Cái	1,0	Đấu giá	/
138	Máy lọc nước	Bộ	2,0	Đấu giá	/
139	Bục gỗ	Cái	1,0	Đấu giá	/
140	Vỏ xe các loại	Cái	4,0	Đấu giá	/
141	Bình ắc quy các loại	Kg	18,7	Đấu giá	/
142	Giàn nóng máy lạnh	Cái	12,0	Đấu giá	/
143	Giàn lạnh máy lạnh	Bộ	16,0	Đấu giá	/
144	Giàn nóng, lạnh máy lạnh	Bộ	11,0	Đấu giá	/
145	Phụ kiện thau các loại	Kg	1,3	Đấu giá	/
146	Máy lạnh các loại	Cái	3,0	Đấu giá	/
147	Máy lạnh phế liệu	Cái	1,0	Đấu giá	/

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
148	Quạt gió phế liệu	Cái	7,0	Đầu giá	/
149	Kìm ép thủy lực	Cái	1,0	Đầu giá	/
150	Ampere kim trung thế	Cái	1,0	Đầu giá	/
151	Ampere kim hạ thế	Cái	4,0	Đầu giá	/
152	Máy bắn vít sử dụng pin	Bộ	3,0	Đầu giá	/
153	Palan 5T	Cái	1,0	Đầu giá	/
154	Tifor 1,6 tấn	Cái	2,0	Đầu giá	/
155	Kích xích căng dây 0.75 tấn	Cái	1,0	Đầu giá	/
156	Kích cáp căng dây 1,5 tấn	Cái	1,0	Đầu giá	/
157	Bình nóng lạnh	Cái	6,0	Đầu giá	/
158	Nhựa các loại	Kg	849,1	Đầu giá	/
159	Nhựa các loại	Kg	11,0	Đầu giá	/
160	Cao su phế liệu	Kg	1,2	Đầu giá	/
161	Máy đo điện trở đất	Cái	1,0	Đầu giá	/
162	Máy đo điện trở cách điện	Cái	1,0	Đầu giá	/
163	Đồng hồ VOM kim	Cái	1,0	Đầu giá	/
164	Ampe kim đa năng	Cái	1,0	Đầu giá	/
165	Máy định vị cầm tay GPS 680	Cái	1,0	Đầu giá	/
166	Máy nước nóng lạnh các loại	Cái	1,0	Đầu giá	/
167	Tủ lạnh	Cái	1,0	Đầu giá	/
168	Sào thao tác	Cái	8,0	Đầu giá	/
169	Bộ tiếp địa các loại	Cây	3,0	Đầu giá	/
170	Sào tiếp địa	Cái	1,0	Đầu giá	/
171	Bút thử điện hạ thế	Cái	10,0	Đầu giá	/
172	Sào cách điện đo khoảng cách	Cái	2,0	Đầu giá	/
173	Bộ tiếp địa hạ thế cáp bọc ABC (cố định, di động, kể cả ê-tô kẹp nguội)	Bộ	7,0	Đầu giá	/
174	Tiếp địa lưu động hạ thế (loại mô vít)	Bộ	2,0	Đầu giá	/
175	Thiết bị cảnh báo điện cao thế	Cái	1,0	Đầu giá	/
176	Bút thử điện trung thế đèn còi	Cái	7,0	Đầu giá	/
177	Dây an toàn phế liệu	Cái	5,0	Đầu giá	/
178	Dây đai an toàn	Bộ	19,0	Đầu giá	/
179	Dây đai an toàn	Bộ	2,0	Đầu giá	/
180	Dây choàng trụ phế liệu	Cái	1,0	Đầu giá	/
181	Dây quàng trụ 2 móc	Sợi	74,0	Đầu giá	/
182	Dây đai lưng	Sợi	10,0	Đầu giá	/
183	Nón nhựa BHLĐ	Cái	84,0	Đầu giá	/
184	Găng tay cách điện hạ thế	Đôi	2,0	Đầu giá	/
185	Găng tay cách điện hạ thế	Cái	56,0	Đầu giá	/
186	Găng tay cách điện trung thế	Cái	22,0	Đầu giá	/
187	ủng cách điện trung thế	Cái	2,0	Đầu giá	/
188	Biến dòng điện (CT) hạ thế các loại	Cái	80,0	Đầu giá	/
189	Biến dòng điện (CT) 600V 150/5A	Cái	63,0	Đầu giá	/

STT	Tên và quy cách VTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
	5VA CCX 0,5				
190	Biến dòng điện (CT) 600V 250/5A 10VA CCX 0,5	Cái	13,0	Đấu giá	/
191	Biến dòng điện (CT) 600V 300/5A 10VA CCX 0,5	Cái	3,0	Đấu giá	/
192	Biến dòng điện (CT) 600V 200/5A- 5VA-CCX 0,5	Cái	17,0	Đấu giá	/
193	Biến dòng điện (CT) 600V 400/5A- 5VA-CCX 0,5	Cái	4,0	Đấu giá	/
194	Biến dòng điện (CT) 600V 600/5A- 5VA-CCX 0,5	Cái	2,0	Đấu giá	/
195	Biến dòng điện (CT) 600V 500/5A 15VA CCX 0,5	Cái	2,0	Đấu giá	/
196	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	2,0	Đấu giá	/
197	Biến dòng điện (TI) 24KV các loại	Cái	5,0	Đấu giá	/
198	Biến dòng điện (TI) 24kV 10- 20/5A (ĐKĐ)	Cái	3,0	Đấu giá	/
199	Biến dòng điện (TI) 24kV 10- 20/5A	Cái	11,0	Đấu giá	/
200	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	1,0	Đấu giá	/
201	Biến điện áp (TU) 24KV các loại	Cái	4,0	Đấu giá	/
202	Biến điện áp (TU) 1P 12000/120V 15VA epoxy vacuum (ĐKĐ)	Cái	1,0	Đấu giá	/
203	Công tơ cơ 1P thu hồi các loại	Cái	454,0	Đấu giá	/
204	Điện kế 1P 5(20) 220V	Cái	1.515,0	Đấu giá	/
205	Điện kế điện tử 1P RF 5(80)A (ĐKĐ)	Cái	1,0	Đấu giá	/
206	Điện kế 3P cơ thu hồi các loại	Cái	4,0	Đấu giá	/
207	Công tơ điện tử 3P thu hồi các loại	Cái	12,0	Đấu giá	/
208	Điện kế điện tử 3P 5(6)A 57.5- 240V	Cái	7,0	Đấu giá	/
209	Điện kế điện tử 3P 3 giá 5(10)A GT 57.5/100V, 3x240/415V (không kèm module) (ĐKĐ)	Cái	2,0	Đấu giá	/
210	Điện kế điện tử 3P4W 40-100A Class 1, kèm RS 232	Cái	10,0	Đấu giá	/
211	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC GT 5(6)A 230/400V CCX1	Cái	11,0	Đấu giá	/
212	Điện kế điện tử 3P 3 giá PLC TT 50(100)A 230/400V CCX1 (ĐKĐ)	Cái	5,0	Đấu giá	/
213	Công tơ điện tử 1P thu hồi các loại	Cái	201,0	Đấu giá	/
214	Điện kế điện tử 1P 3 giá 5(80)A 220V hai chiều giao nhận (ĐKĐ)	Cái	2,0	Đấu giá	/
215	Điện kế điện tử 1 pha 1 giá RF TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	1,0	Đấu giá	/
216	Điện kế điện tử 1pha 2 dây - 1 giá TT,class1- 10(40)A 220V PLC	Cái	271,0	Đấu giá	/
217	Điện kế điện tử 1pha - 1 giá TT,class1- 20(80)A 220V PLC	Cái	6,0	Đấu giá	/

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
218	Điện kế điện tử 1 pha PLC 1 giá TT 5(80)A 220V CCX1	Cái	191,0	Đấu giá	/
219	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá PLC TT 20(80)A 220V CCX1	Cái	3,0	Đấu giá	/
220	Điện kế điện tử 1 pha 1 giá TT PLC 10(80)A 220V CCX1 (ĐKĐ)	Cái	1,0	Đấu giá	/
	Hàng vụn lẻ, chậm luân chuyển, lạc hậu				
221	Đà L75x75x8-2000mm/2 ốp (sơn Line X)	Cái	53,0	Đấu giá	/
222	Đà L75x75x8-2000mm/3 ốp lệch 2/3 (sơn Line X)	Cái	18,0	Đấu giá	/
223	Thanh chống V50x50x5-2200mm (sơn Line X)	Cái	4,0	Đấu giá	/
224	Cách điện đứng polymer 35kV	Cái	1,0	Đấu giá	/
225	Chân sứ đỉnh góc 35kV Polymer	Cái	1,0	Đấu giá	/
226	Chân sứ đỉnh cong 870mm - 24kV Sơn Line X	Cái	15,0	Đấu giá	/
227	Kẹp ghim dùng cho dây bọc trung thể thao tác bằng sào cách điện	Cái	2,0	Đấu giá	/
228	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-10KVAR	Cái	7,0	Đấu giá	/
229	Tụ bù hạ thế 1 pha 230V-10KVAR	Cái	2,0	Đấu giá	/
230	Tụ bù hạ áp 1 pha 230V-15Kvar	Cái	3,0	Đấu giá	/
231	Tụ bù hạ thế 3 pha 415V 5kVAr	Cái	3,0	Đấu giá	/
232	Nắp chụp sứ đứng 24KV loại đôi thẳng	Bộ	2,0	Đấu giá	/
233	Nắp che đầu sứ đứng (loại dài 1m)	Cái	1,0	Đấu giá	/
234	Máy lạnh 1,5HP	Bộ	1,0	Đấu giá	/
235	Máy lạnh 1HP	Bộ	1,0	Đấu giá	/
236	Biển báo chú ý 2 nguồn điện	Cái	5,0	Đấu giá	/
237	Bảng số trụ HT (Decal)	Cái	2,0	Đấu giá	/
	Hàng thu hồi không thể sử dụng được				
238	Điện kế 1P2W 5A 220V GT	Cái	15,0	Đấu giá	
239	Điện kế 1P2W 5A 220V 1.0 - GT	Cái	646,0	Đấu giá	
240	Điện kế 1P 5(20) 220V	Cái	51.230,0	Đấu giá	
241	Điện kế 1P2W 5-15A 220V	Cái	41.875,0	Đấu giá	
242	Điện kế 1P2W 10-40A 220V CCX2	Cái	2.137,0	Đấu giá	
243	Điện kế 1P2W 40-120A 220V CCX2	Cái	927,0	Đấu giá	
244	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	313,0	Đấu giá	
245	Điện kế 1P2W 20-80A 220V CCX2	Cái	2.392,0	Đấu giá	
246	Điện kế 1P2W 10-30A 220V	Cái	38.698,0	Đấu giá	
247	Điện kế điện tử 1P RF5(60) DDS26 (ĐKĐ)	Cái	723,0	Đấu giá	
248	Điện kế điện tử 1P RF 5(80)A - DDS26	Cái	3.805,0	Đấu giá	

STT	Tên và quy cách VTTB	ĐVT	Số lượng	Biện pháp thanh lý	Tình trạng kỹ thuật
249	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá TT RF 5(80)A 220V CCX1	Cái	173,0	Đấu giá	
250	Điện kế điện tử 1P PLC giá TT 5(80)A 220V (ĐKĐ)	Cái	327,0	Đấu giá	
251	Điện kế điện tử 1P 3 giá 5(10)A 220V	Cái	68,0	Đấu giá	
252	Điện kế điện tử 1 pha 3 giá PLC TT 20(80)A 220V CCX 1	Cái	23,0	Đấu giá	
253	Điện kế điện tử 1P 5(15)A - 220V	Cái	3.448,0	Đấu giá	
254	Điện kế điện tử 1P RF 10(80)A	Cái	47,0	Đấu giá	
255	Điện kế điện tử 1P PLC 10(80)A	Cái	54,0	Đấu giá	
256	Điện kế điện tử 1P 5(40)A 220V	Cái	730,0	Đấu giá	
	Chất thải nguy hại				
257	Ruban máy in các loại	Kg	2,4	Đấu giá	CTNH-080204
258	Đèn pin sạc thu hồi các loại	Cái	7,0	Đấu giá	CTNH-160113
259	Cáp tín hiệu các loại	Kg	0,5	Đấu giá	CTNH-110402
260	Hộp mực in	Kg	82,2	Đấu giá	CTNH-080204
261	Máy in các loại	Cái	1,0	Đấu giá	CTNH-160113
262	Máy in các loại	Cái	1,0	Đấu giá	CTNH-160113
263	Pin thải các loại	Kg	4,3	Đấu giá	CTNH-160112
264	Thiết bị thu hồi có linh kiện điện tử	Kg	158,5	Đấu giá	CTNH-160113
265	Pin laptop các loại	Kg	0,1	Đấu giá	CTNH-160112
266	Máy Scan các loại	Cái	2,0	Đấu giá	CTNH-160113
267	Máy tính bảng	Cái	8,0	Đấu giá	CTNH-160113

Ghi chú:

- Mục I, II: Nhận tại kho Công ty Điện lực thành phố Cần Thơ, Địa chỉ số 113 Lê Hồng Phong, phường Phú Lợi, TP Cần Thơ;
- Mục III: Nhận tại Kho Công ty và Kho Các Đội Quản lý điện trực thuộc Công ty Điện lực Sóc Trăng trước sắp nhập.